TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/HSST.
Ngày: 04-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Bà Trương Thị Thủy
2. Bà Lê Hồng Nhung

- ***Thư ký phiên toà***: bà Trần Thị Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La*** *tham gia phiên toà*: ông Lò Văn Thức – kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 130/2018/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST-HS ngày 21-6-2018 đối với bị cáo:

Quàng Văn N; tên gọi khác: Không; sinh năm 1969 tại huyện TC, Sơn La; nơi ĐKNKTT: Bản H, xã MB, huyện TC, Sơn La; dân tộc: Thái; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Không biết chữ; con ông Quàng Văn L, đã chết và bà Bạc Thị Nh, sinh năm: 1945; vợ là Quàng Thị Th, sinh năm: 1966; có 04 con, lớn nhất 34 tuổi, nhỏ nhất 25 tuổi; tiền án, tiền sự: Chưa có; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 03/4/2018 đến ngày 02/6/2018; có mặt.

Những người bị hại:

- Ông Sùng Vả S, sinh năm 1982. Địa chỉ: bản X, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La, có mặt;

- Ông Sùng Sà M, sinh năm 1967. Địa chỉ: bản X, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La, có mặt;

- Ông Sùng A Tr, sinh năm 1980. Địa chỉ: bản X, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La, có mặt;

- Ông Sùng A H, sinh năm 1990. Địa chỉ: bản X, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La, có mặt;

- Ông Giàng A A, sinh năm 1997. Địa chỉ: bản X, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La, có mặt;

- Ông Sùng Giống Tr, sinh năm 1962. Địa chỉ: bản X, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La, có mặt;

- Ông Lò Văn Tr, sinh năm 1970. Địa chỉ: bản Hát Xiến, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La, có mặt;

Người phiên dịch cho anh Sùng A H, anh Sùng Giống Tr: anh Giàng A H, sinh năm 1988, địa chỉ: bản X, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6 năm 2017, nương của ông Quàng Văn N ở bản H, xã MB giáp ranh vơi bản X, xã CM, huyện TC trồng các loại cây ăn quả bao gồm: Cây xoài, cây mận và cây nhãn nhưng thường xuyên bị gia súc của người dan bản X, xã CM đến phá hoại. Khoảng 15 giờ ngày 16/02/2018, Quàng Văn N đến nhà chị Quàng Thị S ở cùng bản H, xã MB xin một bát phân đạm về để bón cây. Sau đó N mang về treo ở khung cửa nhà nương của mình. Đến khoảng 07 giờ ngày 17/02/2018, Nam phát hiện có nhiều dê thả rông của người dân bản X, xã CM tiếp tục đến phá nương, nên ông N đã nảy sinh ý định dùng phân đạm đầu độc chết dê. Sau đó Quàng Văn N đã trộn 01 (Một) bát muối trắng với 01 (Một) bát nước lã và 02 (Hai) bốc phân đạm rồ cho vào 01 (Một) chậu kim loại màu trắng để trên dất nương cách nhà nương khoảng 100 mét để đầu độc dê. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, người dân bản X, xã CM phát hiện 10 con dê có tổng trọng lượng 239,5 kg của các gia đình Sùng Vả S, Sùng Sà M, Sùng A Tr, Sùng A H, Giàng A A và Sùng Giống Tr đều trú tại bản X, xã CM và anh Lò Văn Tr, trú tại bản Hát Xiến, xã CM bị chết tại nương của ông Quàng Văn N nên đã đến Công an xã MB trình báo sự việc (BL 85-118 hồ sơ).

Ngày 18/02/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 115/QĐTCGĐ đối với mẫu chất hạt màu vàng, đường kính trung bình 02 mm đựng trong túi nilon màu xanh da trời treo trên khung cửa nhà nương của ông Nam, ký hiệu A1; chất cặn màu nâu đen đựng trong chiếc chậu kim loại màu trắng tạm giữ trên đất nương nhà ông Nam, ký hiệu Ax và các mẫu thức ăn trong dạ dày của 10 con dê đã chết trên đất nương của ông Quàng Văn N ký hiệu từ A3 đến A12. Tại bản Kết luận giám định hóa pháp số 135/77/83-84/18/HP ngày 09/3/2018 của Viện pháp y Quốc gia kết luận: "*Trong mẫu tang vật ký hiệu A1 trong vụ 10 con dê chết chưa rõ nguyên nhân trên khu vực đất nương của ông Quàng Văn N do Cơ quan CSĐT Công an huyện TC gửi giám định có tìm thấy URê và không tìm thấy các chất độc khác nêu trên; Trong các mẫu chất chứa dạ dày ký hiệu từ A3 đến A12 và mẫu tang vật ký hiệu Ax có tìm thấy Urê, Natri clorid và không tìm thấy các chất độc khác nêu trên*".

Ngày 20/02/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã ra yêu cầu định giá tài sản số 82/YC: Đề nghị Hội đồng định giá tài sản huyện TC, tỉnh Sơn La xác định giá trị tài sản của 10 con dê có tổng trọng lượng 239,5 kg do Quàng Văn N

thực hiện hành đầu độc đàn dê gây ra. Tại bản Kết luận số 59/KL-HDĐG ngày 23/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện TC xác định: "T*ài sản bị hủy hoại là 10 con dê có tổng giá trị là 17.962.500 đồng (Mười bảy triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng"* (BL 55-58 hồ sơ).

Bản cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 15-6-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố bị can Quàng Văn N về tội *Hủy hoại tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 178 BLHS 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Quàng Văn N về tội *Hủy hoại tài sản*. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Quàng Văn N phạm tội: ***Hủy hoại tài sản***

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 178; khoản 1,2 Điều 65 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Quàng Văn N từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04-7-2018).

Giao người bị cáo Quàng Văn N cho UBND xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã MB, huyện TC trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 178 BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 BLDS chấp nhận việc bị cáo và những người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại theo biên bản ngày 04/7/2018

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) túi nilon màu xanh, bên trong có chứa chất dạng hạt kết tinh màu vàng; 01 (Một) túi nilon ám khói màu nâu đen, bên trong có chứa muối trắng; 01 (Một) chiếc bát sứ màu trắng, kích thước 11,5 cm x 6 cm đã qua sử dụng cũ và 01 (Một) chiếc chậu bằng kim loại kích thước 34 cm x 9 cm

Miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo và những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản hỏi cung bị can; đơn tố giác tội phạm; biên bản thu giữ, niêm phong, mở niêm phong vật chứng của

vụ án để lấy mẫu giám định; kết luận giám định; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; biên bản cân tịnh; kết luận định giá tài sản....

Tại phiên tòa, ý kiến của những người bị hại: Sùng Vả S, Sùng Sà M, Sùng A Tr, Sùng A H, Giàng A A; Sùng Giống Tr; Lò Văn Tr yêu cầu xét xử bị cáo về tội Hủy hoại tài sản, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo và những người bị hại theo biên bản thỏa thuận ngày 04/7/2018.

Lời nói sau cùng của bị cáo Quàng Văn N: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Hủy hoại tài sản. Nay bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, bị cáo rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin miễn hình phạt bổ sung; bị cáo xin hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội về với cộng đồng, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Quàng Văn N là vi phạm pháp luật bởi: Bị cáo đã dùng phân đạm trộn với nước lã, muối cho vào một chậu kim loại để trên đất nương (cách nhà nương 100 mét) nhằm mục đích dê đến phá nương ăn phải chết. Hậu quả làm chết 10 con dê của các hộ Sùng Vả S, Sùng Sà M, Sùng A Tr, Sùng A H, Giàng A A; Sùng Giống Tr, Lò Văn Tr ăn phải chết, mất hoàn toàn giá trị sử dụng, không có khả năng phục hồi. Kết quả định giá xác định 10 con dê có tổng giá trị là 17.962.500 đồng (Mười bảy triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Hủy hoại tài sản như quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát. Tội danh và hình phạt quy định tại Điều 178 BLHS, cụ thể:

Điều 178 BLHS quy định:

"1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đòng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự an toàn xã hội của địa phương. Do đó cần áp dụng khoản

1 Điều 178 BLHS có mức hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm đối với bị cáo Quàng Văn N.

[3] Xét nhân thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự; có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi hủy hoại tài sản bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tích cực bồi thường khắc phục một phần thiệt hại; trình độ học vấn 0/12 lại là người dân tộc sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; có bố được đẻ được tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất; người bị hại đã có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do lỗi một phần của người bị hại không tuân thủ quy định về việc chăn thả gia xúc đã để dê vào phá nương của bị cáo. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,i,s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo.

Xét yêu cầu xin hưởng án treo của bị cáo thấy: đơn xin hưởng án treo của bị cáo đã có xác nhận, bảo lãnh của chính quyền địa phương là UBND xã MB và gia đình; bị cáo có nơi cư trú ổn định; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt đường lối chính sách pháp luật của Nhà nước. Do đó không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, cho bị cáo cơ hội cải tạo ngoài cộng đồng cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung, đồng thời cũng thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta, thể hiện đường lối xét xử nghiêm trị kết hợp giáo dục cải tạo

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự

Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 178 BLHS. Xét thấy gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử miễn cho bị cáo

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TC, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Phần trách nhiệm dân sự: Xét thỏa thuận giữ bị cáo và những người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hôi, không vi phạm pháp luật,

cần áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 BLDS chấp nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại theo biên bản ngày 04/7/2018, cụ thể:

"1. Bị cáo Quàng Văn N và những người bị hại thỏa thuận về giá trị thiệt hại, bồi thường một phần thiệt hại cho các gia đình như sau (các gia đình đã nhận đủ tiền):

- Ông Sùng Vả S bị thiệt hại 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng). Còn lại 1.000.000 đồng (một triệu đồng);

- Ông Sùng Sà M bị thiệt hại 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Còn lại 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng);

- Ông Sùng A Tr, bị thiệt hại 3.375.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng). Còn lại 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Ông Sùng A H bị thiệt hại 2.775.000 đồng (hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Còn lại 1.375.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Ông Giàng A A, bị thiệt hại 4.387.500 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng); nhận số tiền bồi thường là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Còn lại 1.687.500 đồng (một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng);

- Ông Sùng Giống Tr bị thiệt hại 2.662.000 đồng (hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Còn lại 1.162.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Ông Lò Văn Tr bị thiệt hại 1.462.000 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Còn lại 462.000 đồng (bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

2. Số tiền còn lại bị cáo Quàng Văn N và những người bị hại Sùng Vả S, Sùng Sà M, Sùng A Tr, Sùng A H, Giàng A A; Sùng Giống Tr; Lò Văn Tr thỏa thuận: Bị cáo Quàng Văn N bồi thường toàn bộ số tiền còn lại (theo mục 1) vào ngày 30/7/2018 tại nhà ông Sùng Tòng Nếnh - trưởng bản X, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La"

[8] Về vật chứng: Đối với 01 (Một) túi nilon màu xanh, bên trong có chứa chất dạng hạt kết tinh màu vàng; 01 (Một) túi nilon ám khói màu nâu đen, bên trong có chứa muối trắng; 01 (Một) chiếc bát sứ màu trắng, kích thước 11,5 cm x 6 cm đã qua sử dụng cũ và 01 (Một) chiếc chậu bằng kim loại kích thước 34 cm x 9 cm; là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội và hết giá trị sử dụng nên cần áp dụng Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy.

[9] Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên miễn án phí cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015 báo cho bị cáo; những người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 178; khoản 1,2 Điều 65 BLHS 2015:

Tuyên bố bị cáo Quàng Văn N phạm tội: Hủy hoại tài sản

Xử phạt bị cáo Quàng Văn Quàng Văn N 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04-7-2018).

Giao người bị cáo Quàng Văn N cho UBND xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã MB, huyện TC trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 178 BLHS.

2. **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 BLDS chấp nhận việc bị cáo và những người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại theo biên bản ngày 04/7/2018, cụ thể:

"1. Bị cáo Quàng Văn N và những người bị hại thỏa thuận về giá trị thiệt hại, bồi thường một phần thiệt hại cho các gia đình như sau (các gia đình đã nhận đủ tiền):

- Ông Sùng Vả S bị thiệt hại 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng). Còn lại 1.000.000 đồng (một triệu đồng);

- Ông Sùng Sà M bị thiệt hại 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Còn lại 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng);

- Ông Sùng A Tr, bị thiệt hại 3.375.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng). Còn lại 1.675.000 đồng (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Ông Sùng A H bị thiệt hại 2.775.000 đồng (hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Còn lại 1.375.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Ông Giàng A A, bị thiệt hại 4.387.500 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng); nhận số tiền bồi thường là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Còn lại 1.687.500 đồng (một triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng);

- Ông Sùng Giống Tr bị thiệt hại 2.662.000 đồng (hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Còn lại 1.162.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Ông Lò Văn Tr bị thiệt hại 1.462.000 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng); nhận số tiền bồi thường là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Còn lại 462.000 đồng (bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

2. Số tiền còn lại bị cáo Quàng Văn N và những người bị hại Sùng Vả S, Sùng Sà M, Sùng A Tr, Sùng A H, Giàng A A; Sùng Giống Tr; Lò Văn Tr thỏa thuận: Bị cáo Quàng Văn N bồi thường toàn bộ số tiền còn lại (theo mục 1) vào ngày 30/7/2018 tại nhà ông Sùng Tòng Nếnh - trưởng bản X, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La"

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) túi nilon màu xanh, bên trong có chứa chất dạng hạt kết tinh màu vàng; 01 (Một) túi nilon ám khói màu nâu đen, bên trong có chứa muối trắng; 01 (Một) chiếc bát sứ màu trắng, kích thước 11,5 cm x 6 cm đã qua sử dụng cũ và 01 (Một) chiếc chậu bằng kim loại kích thước 34 cm x 9 cm.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015 báo cho bị cáo; những người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La
- CA huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã MB, huyện TC;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Chiến